

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁT XÁT
T LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2023/DS – ST

Ngày 31 tháng 3 năm 2023.

V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, T LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Duy Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Ly Giờ Gụ.

Ông: Lưu Văn Nhất.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Quý Sửu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bát Xát, T Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bát Xát, T Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 26/2023/TLST - DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST - DS ngày 02 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST – DS ngày 16/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 02, L, phường Th, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, Chi nhánh huyện BI.

Địa chỉ: Tổ 4, đường H, thị trấn B, huyện B, T Lào Cai.

(theo quyết định số 2664/QĐ-NHNo-PC và Quyết định số 2665/ QĐ-NHNo-PC cùng ngày 01/12/2022 của Ngân hàng N v/v ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật và Ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án).

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Quang Đ - Chức vụ: Phó giám đốc,
Ngân hàng N, Chi nhánh huyện BI.

(theo giấy ủy quyền số 68/NHNo.UQ lập ngày 02/3/2023). Có mặt.

2. *Bị đơn:*

- Anh Phùng Văn T - Sinh năm 1991.

- Chị Vi Thị Ng - Sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: thôn T, xã C, thành phố L, T L.

Vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Phùng Văn T.

Địa chỉ: thôn T, xã C, thành phố L, T L.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện gửi Tòa án ngày 24/10/2022 nguyên đơn Ngân hàng N và tại phiên tòa anh Nguyễn Quang Đ là người được ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng N và ông Phùng Văn T và bà Vi Thị Ng có ký hợp đồng tín dụng số 8803LAV202002750 lập ngày 29/12/2020 (chị Vi Thị Ng đã ủy quyền cho anh Phùng Văn T ký hợp đồng tín dụng theo văn bản ủy quyền lập ngày 31/7/2019) số tiền cho vay 370.000.000 (ba trăm bảy mươi triệu) đồng. Mục đích vay sửa chữa nhà ở và mua đồ dùng gia đình. Thời hạn cho vay 60 tháng; hạn trả cuối cùng ngày 29/12/2025. Lãi suất cho vay áp dụng là 12% /năm và áp dụng theo lãi suất điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Số tiền trên được giải ngân 02 lần, lần 1 ngày 29/12/2020 số tiền 360.000.000 đồng, định kỳ trả nợ gốc, lãi là 5 kỳ, mỗi kỳ 01 năm trả 72.000.000 đồng từ 25/12/2021, đến 25/12/2025, lãi thỏa thuận trả cùng kỳ trả gốc. Lần 2 giải ngân ngày 30/12/2020 số tiền 10.000.000 đồng, định kỳ trả gốc lãi là 5 kỳ, mỗi kỳ 01 năm trả gốc 2.000.000 đồng từ 25/12/2021, đến 25/12/2025, lãi trả cùng kỳ trả gốc.

Khi vay anh T và chị Ng có thế chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 21092016/HĐTC ngày 21/9/2016, phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 120618/PLHĐ ngày 12/6/2018 thế chấp 322 m² đất ở nông thôn, tờ bản đồ số TDD – 2015 (487 413 – 6 –(3), địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là thôn T, xã C, thành phố L), đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 857994 do Sở Tài nguyên và Môi trường T Lào Cai cấp ngày 27/11/2015, sổ vào sổ cấp

GCN: CS – 02086. Nguồn gốc sử dụng được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Giấy chứng nhận mang tên ông Phùng Văn T .

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng đến nay anh Phùng Văn T và chị Vi Thị Ng đã vi phạm hợp đồng, không thanh toán tiền gốc và lãi 02 kỳ liên tiếp, vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T và chị Ng phải trả tiền lãi quá hạn, lãi trong hạn tạm tính đến ngày 24/10/2022 là 82.767.649 đồng. Tiền gốc theo hợp đồng tín dụng 370.000.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 452.767.649 đồng.

Trong trường hợp anh T, chị Ng chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ khoản vay trên thì Ngân hàng đề nghị được xử lý tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 21092016/HĐTC ngày 21/9/2016, phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 120618/PLHĐ ngày 12/6/2018.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/02/2023 bị đơn anh Phùng Văn T trình bày:

Anh xác nhận có vay ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số LAV202002750 ngày 29/12/2020, khi ký hợp đồng vợ anh chị Vi Thị Ng đã ủy quyền cho anh ký theo giấy ủy quyền lập ngày 31/7/2019; vay số tiền 370.000.000 đồng; lãi cho vay 12%/năm; thời hạn vay 60 tháng, thỏa thuận trả làm 5 kỳ, mỗi kỳ trả 74.000.000 đồng trả vào ngày 25/12 hàng năm 2021; 2022; 2023; 2024 và ngày trả nợ cuối cùng 29/12/2025. Nay chưa trả được đồng nào. Đến nay còn nợ Ngân hàng là 370.000.000 (ba trăm bảy mươi triệu) đồng tiền gốc, lãi chưa trả được đồng nào.

Anh nhất trí Ngân hàng tạm tính tiền lãi đã bao gồm cả lãi phạt quá hạn đến thời điểm ngày 24/10/2022 là 82.767.649 (tám mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, sáu trăm bốn mươi chín) đồng.

Anh xác nhận khi vay có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 21092016/HĐTC ngày 21/09/2016, phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 120618/PLHĐ, QSDĐ số CA857994, vị trí thửa đất tại thôn Tòng Xành I, xã Cốc San, thành phố Lào Cai, T Lào Cai, tổng diện tích thế chấp 322 m² do Sở Tài nguyên và Môi trường T Lào Cai cấp ngày 27/11/2015.

Đến nay TNgân hàng N- Chi nhánh huyện Bát Xát, Lào Cai II làm đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, T Lào Cai giải quyết buộc gia đình anh phải trả số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 24/10/2022 anh hoàn toàn đồng ý, hiện tại vợ anh không có ở nhà, chị Ng đi làm ăn xa nhà, không rõ địa chỉ, anh sẽ có trách nhiệm gọi chị Ng về để giải quyết.

Trong trường hợp vợ chồng anh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho TNgân hàng N(Agribank) Chi nhánh huyện Bát Xát, Lào Cai II, anh đồng ý giao tài sản thế chấp cho TNgân hàng N(Agribank) Chi nhánh huyện Bát

Xát, Lào Cai II để xử lý tài sản thế chấp theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 21092016/HĐTC ngày 21/9/2016, phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 120618/PLHĐ ngày 12/6/2016.

Đối với diện tích đất và tài sản trên đất được lập tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bát Xát anh hoàn toàn đồng ý, trên đất hiện có 02 ngôi nhà, 01 ngôi nhà do anh và chị Ng bỏ tiền ra xây dựng, còn một ngôi nhà là anh Phùng Văn T bỏ tiền ra xây, hiện nay anh Tiệp đi đâu và làm gì gia đình cũng không biết. Hiện không có mặt tại địa phương.

Đối với bị đơn chị Vi Thị Ng (vợ anh T) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phùng Văn T, không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng chị Ng và anh Tiệp không đến và không có văn bản trả lời.

Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hòa giải được do bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đến và nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tại phiên toà:

TNgân hàng Yên cầu anh T và chị Ng phải trả số tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn cụ thể nợ lãi trong hạn: 97.935.452 đồng; nợ lãi quá hạn: 6.722.038 đồng; nợ gốc phải trả là 370.000.000 đồng; Tổng là 474.657.490 (bốn trăm bảy mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi đồng).

Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát có quan điểm:

Thẩm phán, hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo quy định pháp luật. Thư ký phiên toà và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chị Vi Thị Nguyệt và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 và 73 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 229, 317, 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147, khoản 1 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Án lệ số 08/2016 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề xuất giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Buộc bị đơn là ông Phùng Văn T và bà Vi Thị Ng phải trả cho TNgân hàng Nchi nhánh huyện Bát Xát, Lào Cai II tổng số tiền là nợ lãi trong hạn: 97.935.452 đồng; nợ lãi quá hạn: 6.722.038 đồng; nợ gốc phải trả là 370.000.000 đồng; Tổng là

474.657.490 (bốn trăm bảy mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi đồng) theo hợp đồng tín dụng số 8803LAV202002750 lập ngày 29/12/20.

Trong trường hợp ông Phùng Văn T và bà Vi Thị Ng không có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bát Xát buộc bên thế chấp ông Phùng Văn T và bà Vi Thị Ng giao tài sản thế chấp cho TNgân hàng Nchi nhánh huyện Bát Xát, Lào Cai II để xử lý tài sản thế chấp theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp tài sản số 21092016/HĐTC ngày 21/9/2016, phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 120618/PLHĐ ngày 12/6/2016.

Về án phí, chi phí tố tụng khác đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Phùng Văn T và chị Vi Thị Ng phải chịu án phí và chi phí tố tụng khác theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phùng Văn T và chị Vi Thị Ng có vay của Ngân hàng N2 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Ag) số tiền gốc là 370.000.000 (ba trăm bảy mươi triệu) đồng; khi vay hai bên có ký 01 hợp đồng tín dụng. Mục đích vay sửa chữa nhà ở và mua đồ dùng gia đình, hợp đồng tín dụng được ký kết phát sinh trong giao dịch dân sự, khi thực hiện hợp đồng các bên thực hiện tại huyện Bát Xát, Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, T Lào Cai thụ lý vụ án giải quyết tranh chấp về dân sự là phù hợp với khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn anh Phùng Văn T , chị Vi Thị Ng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phùng Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ; Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt các đương sự ở trên.

[3] Về nội dung khởi kiện:

Theo lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình thể hiện anh T và chị Ng có ký với Ngân hàng Ag 01 hợp đồng tín dụng vào ngày 29/12/2020 vay số tiền 370.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho 01 hợp đồng tín dụng ở trên anh T và chị Ng đã thế chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 21092016/HĐTC ngày 21/9/2016, phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 120618/PLHĐ ngày 12/6/2018 thế chấp 322m² đất ở nông thôn, địa chỉ thửa

đất tại thôn Tòng Xành 1, xã Cốc San, huyện Bát Xát, T Lào Cai (nay là thôn Tòng Xành 1, xã Cốc San, thành phố Lào Cai), đã được Ủy ban nhân dân huyện Bát Xát, T Lào Cai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 857994 do Sở Tài nguyên và Môi trường T Lào Cai cấp ngày 27/11/2015, sổ vào sổ cấp GCN: CS – 02086. Giấy chứng nhận mang tên ông Phùng Văn T .

[4] Xét về hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 8803LAV202002750 lập ngày 29/12/2020 được ký kết giữa anh Phùng Văn T và Ngân hàng Ag (chị Vi Thị Ng đã ủy quyền cho anh Phùng Văn T ký hợp đồng tín dụng theo văn bản ủy quyền lập 31/7/2019) số tiền cho vay 370.000.000 (ba trăm bảy mươi triệu) đồng.

Hợp đồng tín dụng đã được anh T, chị Ng cùng Ngân hàng Ag ký kết trên tinh thần tự nguyện. Hình thức, nội dung của hợp đồng tín dụng phù hợp với Điều 463 Bộ Luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, người ký hợp đồng phù hợp với **Quyết định số 69/NHNo.UQ ngày 01/8/2018 của Ngân hàng Ag về việc ủy quyền ký kết các hợp đồng tín dụng**. Như vậy hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Ag và anh T, chị Ng được thực hiện đúng qui định của pháp luật.

[5] Xét về hợp đồng thế chấp:

[5.1] Về hình thức của hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp giữa anh T, chị Ng với Ngân hàng Ag được lập thành văn bản ngày 21/9/2016, phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 120618/PLHD ngày 12/6/2018, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Cốc San, huyện Bát Xát, T Lào Cai, (nay là xã Cốc San, thành phố Lào Cai, T Lào Cai) thế chấp quyền sử dụng là 322 m² đất ở nông thôn. Hợp đồng thế chấp được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bát Xát, T Lào Cai ngày 23/9/2016, đảm bảo đúng qui định của pháp luật về hình thức, được qui định tại điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2003; Điều 317 Bộ Luật dân sự năm 2015; Nghị định số 163/2006/NĐ - CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ - CP. Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT – BTP - BTNMT ngày 23/6/2016 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường. Như vậy về hình thức đảm bảo và phù hợp với qui định của pháp luật.

[5.2] Về nội dung hợp đồng thế chấp:

Tài sản thế chấp của anh T, chị Ng là quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Bát Xát, T Lào Cai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 857994 do Sở Tài nguyên và Môi trường T Lào Cai cấp ngày 27/11/2015, sổ vào sổ cấp GCN: CS – 02086 diện tích 322 m² đất ở nông thôn.

Nguồn gốc sử dụng đất anh Phùng Văn T nhận tặng cho đất từ bố ông Phùng A Sin và mẹ bà Hoàng Thị Lệ theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất

ngày 03/7/2015. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ đối chiếu với sơ đồ và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh T và chị Ng có 322 m² đất ở nông thôn, đối chiếu với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng như ở trên, đất không tranh chấp.

Như vậy anh T và chị Ng có quyền thế chấp quyền sử dụng đất cho tổ chức tín dụng, phù hợp với điểm g khoản 1 Điều 179 và khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013.

[6] Như vậy hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được ký kết giữa anh T, chị Ng và Ngân hàng Ag đảm bảo đúng qui định pháp luật và có hiệu lực kể từ ngày giao kết hợp đồng.

[7] Quá trình thực hiện hợp đồng:

Đối với hợp đồng tín dụng số 8803LAV202002750 lập ngày 29/12/2020, vay 370.000.000 (ba trăm bảy mươi triệu) đồng, Mục đích vay sửa chữa nhà ở và mua đồ dùng gia đình. Thời hạn cho vay 60 tháng; hạn trả cuối cùng ngày 29/12/2025. Lãi suất cho vay áp dụng là 12% /năm và áp dụng theo lãi suất điều chỉnh định kỳ 03 tháng 01 lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Số tiền trên được giải ngân 02 lần, lần 1 ngày 29/12/2020 số tiền 360.000.000 đồng, định kỳ trả nợ gốc, lãi là 5 kỳ, mỗi kỳ 01 năm trả 72.000.000 đồng từ 25/12/2021, đến 25/12/2025, lãi thỏa thuận trả cùng kỳ trả gốc. Lần 2 giải ngân ngày 30/1/2020 số tiền 10.000.000 đồng, định kỳ trả gốc lãi là 5 kỳ, mỗi kỳ 01 năm trả gốc 2.000.000 đồng từ 25/12/2021, đến 25/12/2025, lãi trả cùng kỳ trả gốc nhưng đến nay chưa trả được đồng nào cả gốc và lãi.

Tại các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình thể hiện giữa hai bên có thỏa thuận theo chu kỳ trả nợ như ở trên, đến nay hai bên không có thỏa thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ, anh T, chị Ng vi phạm thanh toán nợ gốc 2 kỳ là 148.000.000 (một trăm bốn mươi tám triệu) đồng, chưa thanh toán lãi. Như vậy, anh T và chị Ng vi phạm thỏa thuận tại khoản 3 Điều 5 trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng Ag khởi kiện yêu cầu anh T, chị Ng phải trả khoản nợ vi phạm trước thời hạn là phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 6 trong hợp đồng tín dụng và khoản 1, 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Ag buộc anh T, chị Ng thanh toán tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn.

Cụ thể được tính như sau:

* Tiền lãi trong hạn tính như sau:

+ Tính từ 29/12/2020 đến 15/7/2021 là 198 ngày, lãi suất 12%/năm:

- Lãi suất trong hạn tiền gốc 370.000.000 đồng x 12% : 365 ngày x 198 ngày = 24.085.479 đồng.

+ Tính từ 15/7/2021 đến 31/12/2021 là 169 ngày, lãi suất được điều chỉnh theo văn bản số 6338/NHNo -TD ngày 14/7/2021 của TNgân hàng Nv/v tiếp tục giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng do diễn biến dịch covid - 19:

- Lãi suất trong hạn tiền gốc 370.000.000 đồng x 10.80% : 365 ngày x 169 ngày = 18.520.27 đồng.

+ Tính từ ngày 31/12/2021 đến 31/3/2023 là 455 ngày, lãi suất 12.0%/năm:

- Lãi suất trong hạn tiền gốc 370.000.000 đồng x 12,0% : 365 ngày x 455 ngày = 55.347.945 đồng.

Tổng lãi trong hạn là 97.935.452 đồng.

* Tiền lãi quá hạn được tính như sau:

- Lãi suất quá hạn phải trả của kỳ 1, tính lãi quá hạn từ ngày 27/12/2021 đến 31/12/2021 là 4 ngày lãi suất được điều chỉnh theo văn bản số 6338/NHNo -TD ngày 14/7/2021 của TNgân hàng Nv/v tiếp tục giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng do diễn biến dịch covid – 19, được tính như sau: 74.000.000 đồng x 5.40% : 365 ngày x 4 ngày = 43.792 đồng.

- Lãi suất quá hạn phải trả của kỳ 2, tính lãi quá hạn từ ngày 31/12/2021 đến 27/12/2022 là 361 ngày được tính như sau 74.000.000 đồng x 6 % : 365 ngày x 361 ngày = 4.391.342 đồng.

- Lãi suất quá hạn phải trả của kỳ 1 và kỳ 2, tính lãi quá hạn từ ngày 27/12/2022 đến 31/3/2023 là 94 ngày, được tính như sau: 148.000.000 đồng x 6% : 365 ngày x 94 ngày = 2.286.904 đồng.

Tổng lãi quá hạn là 6.722.038 đồng.

Như vậy tạm tính đến ngày 31/3/2023 chị Ng và anh T còn dư nợ của hợp đồng tín dụng số 8803LAV 202002750 là:

Gốc phải trả là 370.000.000 đồng,

Nợ lãi trong hạn: 97.935.452 đồng

Nợ lãi quá hạn: 6.722.038 đồng

Tổng cả gốc và lãi là: 474.657.490 (bốn trăm bảy mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm chín mươi) đồng.

[9] Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu trong trường hợp anh Phùng Văn T và chị Vi Thị Ng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được xử lý bán phát mại tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số 21092016 ngày 21/9/2016 và phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 120618/PLHĐ ngày 12/6/2018, thế chấp tài sản là Quyền sử dụng 322 m² đất ở nông thôn để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Phía bị đơn anh T đồng ý, chị Ng và anh Phùng Văn T không đến Tòa án và không có văn bản trả lời. Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng phù hợp với thỏa

thuận trong Điều 4 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 21092016 ngày 21/9/2016 và phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 120618/PLHĐ ngày 12/6/2018, phù hợp với Điều 299 Bộ luật dân sự nên có căn cứ để Tòa án chấp nhận. Anh T, chị Ng có nghĩa vụ giao lại toàn bộ quyền sử dụng 322 m² đất ở nông thôn, tại tờ bản đồ số TDD – 2015 (487 413 - 6 - (3), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 857994 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 27/11/2015, số vào sổ cấp GCN: CS - 02086 cho cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Khi thế chấp anh T và chị Ng không thế chấp tài sản trên đất. Tại phiên xem xét, thẩm định tại chỗ xác định được trên đất có 01 ngôi nhà xây cấp IV, rộng 79.2 m² được xây dựng năm 2014, do anh T và chị Ng sử dụng, năm 2021 anh T và chị Ng xây dựng ngôi nhà xây cấp 4 bên cạnh ngôi nhà trên rộng 123.5 m²; ngôi nhà được làm từ năm 2014 anh Phùng Văn T là anh trai sử dụng. Khi xây dựng ngôi nhà thứ hai, anh Phùng Văn T không thông báo cho Ngân hàng. Như vậy khi xử lý tài sản thế chấp căn cứ vào khoản 1 Điều 325 Bộ luật Dân sự năm 2015: “1. Trường hợp thế chấp quyền sử dụng đất mà không thế chấp tài sản gắn liền với đất và người sử dụng đất đồng thời là chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thì tài sản được xử lý bao gồm cả tài sản gắn liền với đất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

[10] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng Ag đã tạm ứng số tiền 3.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/01/2023 theo biên bản quyết toán chi phí xem xét tại chỗ ngày 02/3/2023.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Phùng Văn T và chị Vi Thị Ng phải hoàn trả cho Ngân hàng Agribank tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ở trên.

[11] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn anh T và chị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch đối với yêu cầu tranh chấp hợp đồng tín dụng;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 1, 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;
Căn cứ vào các Điều 295, 299, 317; 318, 320, 321, 322, 323, khoản 1 Điều 325; 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 167; khoản 1 Điều 168; điểm g khoản 1 Điều 179, khoản 1 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ – CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối Cao.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N

Anh Phùng Văn T và chị Vi Thị Ng có trách nhiệm liên đới thanh toán tiền nợ gốc, tiền lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn cho TNgân hàng N tại hợp đồng tín dụng số 8803LAV202002750 ngày 29/12/2020 tính đến ngày 31/3/2023 là:

Gốc phải trả là 370.000.000 đồng,

Nợ lãi trong hạn: 97.935.452 đồng

Nợ lãi quá hạn: 6.722.038 đồng

Tổng cả gốc và lãi là: 474.657.490 (bốn trăm bảy mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm chín mươi) đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

2. Trong trường hợp anh Phùng Văn T và chị Vi Thị Ng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì TNgân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 21092016/HĐTC ngày 21/9/2016, phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 120618/PLHĐ ngày 12/6/2018 giữa bên thế chấp chị Vi Thị Ng và anh Phùng Văn T và bên nhận thế chấp TNgân hàng N để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của anh T, chị Ng đối với Ngân hàng N

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 TNgân hàng Nkhông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.055.300 (mười một triệu, không trăm năm mươi năm nghìn, ba trăm đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002300 ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bát Xát, T Lào Cai.

3.2 Anh Phùng Văn T và chị Vi Thị Ng phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hợp đồng tín dụng là 22.986.300 (hai mươi hai triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm) đồng.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

TNgân hàng Nkhông phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Anh Phùng Văn T và chị Vi Thị Ng liên đới hoàn trả cho TNgân hàng N số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/01/2023 là 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên bản quyết toán chi phí xem xét tại chỗ ngày 02/3/2023.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Duy Chiến

Nơi nhận:

- TA, VKS T;
- VKSND huyện Bát Xát;
- Dương sự (4);
- THA DS (2);
- Lưu TA, VP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Duy Chiến

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁT XÁT
T LÀO CAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bát Xát, ngày 21 tháng 12 năm 2020

Số: /2020/QĐ – SCBSBA

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, T LÀO CAI

Căn cứ vào Điều 268 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do lỗi rõ ràng về chính tả trong bản án số 07/2020/DS - ST ngày 03/12/2020 của Toà án nhân dân huyện Bát Xát, T Lào Cai đã xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 02, Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Thành, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Hải - Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Bát Xát, Lào Cai II.

Địa chỉ: Tổ 4, đường Hùng Vương, thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát, T Lào Cai.

(theo quyết định số 2966/QĐ-NHNo-PC và Quyết định số 2965/ QĐ-NHNo-PC cùng ngày 27/12/2019 của TNghân hàng Nv/v ủy quyền thực hiện nhiệm vụ,

quyền hạn của người đại diện theo pháp luật và Ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án).

Người được ủy quyền lại: Ông Phí Ngọc Sỹ - Phó giám đốc TNgân hàng Nchi nhánh huyện Bát Xát, Lào Cai II.

(theo giấy ủy quyền số 47/NHNo.UQ lập ngày 28/8/2020). Có mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Đinh Văn Tĩnh;

Địa chỉ: Đội 13 (Thôn An Quang), xã Quang Kim, huyện Bát Xát, T Lào Cai.

- Bà Phạm Thị Phương;

Địa chỉ: Đội 13 (Thôn An Quang), xã Quang Kim, huyện Bát Xát, T Lào Cai.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Vàng Xúi Din; Bà Nguyễn Thị Hương; Chị Trần Thị Thu Nga; Anh Nguyễn Phương Nam; Chị Đinh Thị Quyên; Anh Nguyễn Ngọc Phẩm; Ông Đinh Xuân Uyên; Anh Vũ Văn Tuấn; Chị Nguyễn Thanh Lương; Anh Đinh Quốc Huy; Anh Đinh Đức Mạnh;

Cùng địa chỉ: Thôn An Quang, xã Quang Kim, huyện Bát Xát, T Lào Cai.

- Chị Vũ Thị Lan;

Địa chỉ: Thôn An Quang, xã Quang Kim, huyện Bát Xát, T Lào Cai; Có mặt.

- Anh Nguyễn Đình Tuấn;

Địa chỉ: Tổ dân phố số 9, Đình Thôn, Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Đình Tuấn: Chị Vũ Thị Lan; địa chỉ: Thôn An Quang, xã Quang Kim, huyện Bát Xát, T Lào Cai; (theo giấy ủy quyền lập ngày 13/8/2020).

- Ủy ban nhân dân xã Quang Kim, huyện Bát Xát, T Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Tâm - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vàng Văn Dương – Chức vụ Phó Chủ tịch.(theo văn bản ủy quyền ngày 02/12/2020).

QUYẾT ĐỊNH

Sửa chữa bổ sung bản án số 07/2020/DS - ST ngày 03/12/2020 của Toà án nhân dân huyện Bát Xát, T Lào Cai như sau:

Tại dòng thứ 1 trang 10 từ dưới lên của bản án đã ghi: “tín dụng năm 2010; Điều 106; 108; 109; 128; 342; 343; 411; 471; 474; 476; 715; 717; 721”.

Nay sửa chữa như sau : “tín dụng năm 2010; Điều 106; 108; 109; 128; 342; 343; 411; 471; 474; 476; 715; 717”.

Tại dòng thứ 2 trang 11 từ trên xuống của bản án đã ghi: “Điều 157; Điều 158; Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015”.

Nay sửa chữa như sau “Điều 157; Điều 158; Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015”

Tại dòng thứ 18, 19, 20 trang 14 từ trên xuống của bản án đã ghi: “ Ngân hàng tổng cộng cả gốc và lãi đến ngày 24/9/2020 là 367.135.417 đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu một trăm ba mươi năm nghìn bốn trăm mười bảy đồng) theo hợp đồng tín dụng số 8803LAV20180 1442/HĐTD ngày 06/9/2018”.

Nay sửa chữa như sau: “Ngân hàng tổng cộng cả gốc và lãi đến ngày 24/9/2020 là 367.135.417 đồng (ba trăm sáu mươi bảy triệu một trăm ba mươi năm nghìn bốn trăm mười bảy đồng) và tiền lãi đến khi xét xử sơ thẩm, theo hợp đồng tín dụng số 8803LAV20180 1442/HĐTD ngày 06/9/2018”.

Nơi nhận:

- TA; VKS T Lào Cai;
- VKSND H. Bát Xát;
- Đường sự (17);
- THA DS.
- Lưu TA, VP, HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Duy Chiến

